

L/D VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/05/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+CTK3+BK20	7:25	20+2+0	0+0+0		18+1+0	0+0+0	Chuyen 2 P9-CTK3 Chuyen 3 CTK3-BK20
2		CL1+BK4+P4	7:25	5+16+0	0+0+0		4+11+7	0+0+0	
3		RC4+PVD2+P9	7:25	1+21+0	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
4		P2+P11+CL0	9:25	10+4+8	0+0+0		7+5+9	0+0+0	
5		P10+P9	9:25	12+10	0+0		10+12	0+0	Chuyen 1 P10-P9
6		P2+BK10	9:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
7		TTCL+P10	11:25	3+16	0+0		0+22	0+0	
8		PVD2+BK4+BK3	11:25	15+4+1	0+0+0		3+9+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ BK4 - 3 người đi chuyển 1, về trong ngày chuyển 3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/05/2021	TO: P9 - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - CHIẾN - Vũ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG HIẾU	P9	73	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ NAM GIANG	P9	72	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN QUÊ	P9	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THẾ DŨNG	P9	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TAM THUY	P9	85	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN LINH	P9	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ LANG TŨ	P9	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	75-76	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	78	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐA KHA	P9	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH THẾ NHÂN	P9	84	1	5	15	80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUY	P9	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	82	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HỮU TRI	P9	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI CÔNG THẮNG	P9	89-90	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	72-73	2	17		72	HVJOC	Vietnamese
22	VŨ ANH TUÂN	CTK3	69	1	10	35	65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	20	22	115	1.411	15	18	2	CHUYEN 02 PAX TU P9 SANG CTK3 CHUYEN 03 PAX TU CTK3 SANG BK20
2	CTK3	2	3	27	137	35	1	3	
3	BK20	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	25	142	1.548	50	19		
WEIGHT KG				142	1.548	50			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CLI - BK4 - P4	CREW: Nam - XTrường - N Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG PHÚ	CLI	20	1	11		75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CLI	21-22	2	10		70	PSV	Vietnamese
3	LÊ CAO HAI	CLI	04	1	5	35	62	PSV	Vietnamese
4	VŨ HỮU TRƯỜNG	CLI	05	1	6		70	PSV	Vietnamese
5	PHAN VĂN HỒNG	CLI	23	1	5		68	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THẾ TIỀN	BK4	05	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI ĐÌNH PHI	BK4					62	NIPI	Vietnamese
8	PHAN NGỌC QUYẾT	BK4	04	1	4		75	NIPI	Vietnamese
9	KURPASOV	BK4					74	KH-THAC	Russian
10	TÔNG TRUNG HUY	BK4	03	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	BK4				50	63	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN TUYẾN	BK4	18	1	15		93	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI XUÂN NGỌC	BK4	12-13	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI ANH TUÂN	BK4	14-15	2	11		66	XAYLAP	Vietnamese
15	TRƯƠNG MINH THẮNG	BK4	16	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HỒNG LONG	BK4	17	1	11		78	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ĐÌNH MINH	BK4	08-09	2	18		50	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC TÍNH	BK4	10	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
19	LAM QUANG HUY	BK4	06-07	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HUNG	BK4	11	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
21	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	01	1	5		68	PSV	Vietnamese
22	VO HOANG TIEN	BK4	02	1	15		83	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	5	6	37	345	35	4		
2	BK4	17	18	160	1.213	50	11		
3	P4	0	0	0	0	5	7		
TOTAL		22	24	197	1.558	90	22		
WEIGHT KG				197	1.558	90			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: RC4 - PVD2 - P9	CREW: MTHẮNG - DƯƠNG - ĐANG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI DOAN BINH	RC4	71,74	2	20	6	80	NIPI	Vietnamese
2	LE QUANG CUONG	PVD2	89	1	10	20	80	KHOAN	Vietnamese
3	CAP VAN SEN	PVD2	97	1	7		53	PVD.DD	Vietnamese
4	PHAN VIET HIEU	PVD2	07-08	2	14		62	PVD.DD	Vietnamese
5	LE KHAC KIEN	PVD2	84	1	8		60	PVD.DD	Vietnamese
6	CU DINH TUNG	PVD2	86	1	8		71	PVD.DD	Vietnamese
7	TRINH HUU KIEN	PVD2	09-10	2	10		77	PVD.DD	Vietnamese
8	HOANG CONG DUNG	PVD2	93	1	8		63	PVD.DD	Vietnamese
9	TRAN BA KHANH	PVD2	91	1	10		76	PVDO	Vietnamese
10	DAO QUANG QUYET	PVD2	99,1000	2	20		53	PVDO	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THUONG	PVD2	90	1	5		64	PVDO	Vietnamese
12	TRUONG VAN NGUYEN	PVD2	92	1	9		49	PVDO	Vietnamese
13	NGUYEN ANH HIEP	PVD2	94	1	5		77	PVDO	Vietnamese
14	PHAN HOAI NIEM	PVD2	95	1	10		75	PVDO	Vietnamese
15	PHAM VAN TAN	PVD2	85	1	5		62	PVDO	Vietnamese
16	PHAM DINH TIEN	PVD2	87-88	2	18		62	PVD BH	Vietnamese
17	VO THANH DOAN	PVD2	82-83	2	20		72	PVD BH	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LINH	PVD2	98	1	11		64	XN DVL	Vietnamese
19	BUI ĐỨC TRUNG	PVD2	03	1	12		60	XN DVL	Vietnamese
20	DƯƠNG TRUNG KIEN	PVD2	02	1	9	45	62	XN DVL	Vietnamese
21	LUONG HUNG TRIET	PVD2	96	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
22	LE HAI NGAN	PVD2	01	1	10		56	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	1	2	20	80	6	0		
2	PVD2	21	26	224	1.368	65	11		
3	P9	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	28	244	1.448	71	22		
WEIGHT KG				244	1.448	71			

GRAND TOTAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: P2 - P11 - CLO	CREW: TUYỀN - CHIẾN - Vũ	ETA: 11:20
XANH-2			

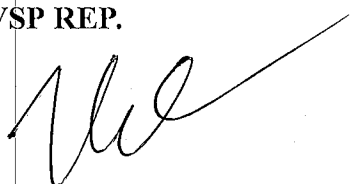
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC SƠN	P2	85	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	86	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐỨC	P2	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ CÔNG ANH	P2	79	1	5	70	67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRI HẠO	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
7	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	82	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ GIA SƠN	P2	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TIKHONOV	P2	91	1	10		80	KH-THAC	Russian
10	LÊ HÙNG CƯỜNG	P2	80-81	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY HÀ	P11	99	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P11	94	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P11	95	1	10	32	75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIẾN	P11	93	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	CLO	52	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG KHA	CLO	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU TIẾN THANH	CLO	55	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN QUANG HOÀNG	CLO	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGỌC ANH	CLO	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VIỆT DŨNG	CLO	50	1	6	15	56	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	51	1	5		65	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO	49	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	9	52	702	70	7		
2	P11	4	4	30	301	32	5		
3	CLO	8	8	41	569	15	9		
TOTAL		22	21	123	1.572	117	21		
WEIGHT KG				123	1.572	117			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

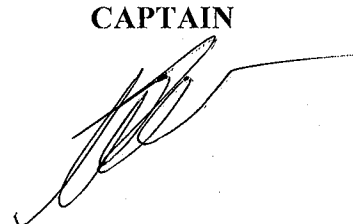
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	TO: P10 - P9	CREW: Nam - XTrường - N Nam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	35	1	5	70	63	KH-THAC	Vietnamese
2	BADIKOV M.F.	P10	36	1	3		71	KH-THAC	Russian
3	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					54	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THẮNG	P10	33	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BẢO TRUNG	P10	41	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	32	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUƠNG	P10	37-38	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HAI HÀ	P10	39-40	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG SY NGUYEN	P10	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUƠNG	P10	42	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THAO	P10					68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P9	92	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH HUY KHIÊM	P9					76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	96	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	91	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	93	1	7		48	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	94	1	5		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CHIỀU	P9	95	1	5		69	PSV	Vietnamese
20	DƯƠNG VĂN THU	P9	98	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HAI TRUNG	P9					67	PSV	Vietnamese
22	HÀ VĂN NIỆM	P9	97	1	5		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	12	11	53	866	70	10	1	CHUYEN 1 PAX P10 SANG P9
2	P9	10	8	42	665	0	12		
	TOTAL	22	19	95	1.531	70	22		
	WEIGHT KG			95	1.531	70			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: P2 - BK10	CREW: MTHẮNG - Dương - ĐANG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ HỮU LINH	P2	19	1	5	20	81	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	09	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	14	1	8	7	68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUỐC VIÊN	P2	16	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THIÊN NAM	P2	12	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI HOÀNG TÂM	P2	17	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG QUANG TẾ	P2	15	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	18	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG MINH QUÂN	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
12	NÔNG MINH HẢI	P2	06	1	11		76	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM HUY ĐÌNH	P2	10-11	2	13		57	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU ĐỨC	P2	07-08	2	17		84	T-TIN	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HÒA	P2					76	YTE	Vietnamese
16	VŨ HỒNG QUANG	P2	13	1	8		75	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	12	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	09	1	4	25	68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CHÂU NAM	BK10	07	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO TUẤN VIỆT	BK10	05-06	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	04	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI CAO ĐỊNH	BK10	08	1	5		58	PSV	Vietnamese

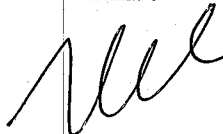
FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	14	98	1.134	27	16		
2	BK10	6	7	40	399	25	6		
TOTAL		22	21	138	1.533	45	22		
WEIGHT KG				138	1.533	45			

GRAND TOAL:

1.716 KGS + 7kg

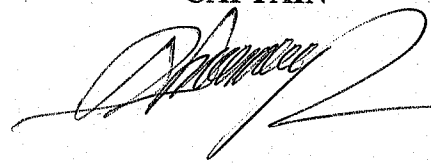
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	TO: TTC1 - P10	CREW: QViệt - MTHAO - Toan	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH ĐỨC	TTC1	59	1	15	45	87	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHI	TTC1	58	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ CHI CÔNG	TTC1	57	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	98	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	94	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	92	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU TRI	P10					66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	88	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH XUÂN QUÂN	P10	48	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	47	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN BẢO TOÀN	P10	87	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	96	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH CÔNG VĂN	P10	93	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
14	TANG TIẾN TOÀN	P10	89	1	10		80	DVL	Vietnamese
15	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P10	90-91	2	15		60	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	74	1	5		67	YTE	Vietnamese
17	HỒ NGỌC THÀNH	P10	95	1	6		53	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT LY	P10	75	1	5		76	PSV	Vietnamese
19	PHẠM THẾ CÔNG	P10	97	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	3	3	37	212	45	0		
2	P10	16	16	86	1.103	0	22		
TOTAL		19	19	123	1.315	45	22		
WEIGHT KG				123	1.315	45			

GRAND TOAL: 1.483 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	TO: PVD2 - BK4 - BK3	CREW: HUNG - VAnh - QTruong	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG QUOC VIET	PVD2	35	1	15		61	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN QUANG HUNG	PVD2	17	1	14		74	KHOAN	Vietnamese
3	DUONG MINH QUAN	PVD2	32	1	15	38	80	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THIEU	PVD2	25-26	2	11	40	70	CODIEN	Vietnamese
5	PHUNG BA DE	PVD2	18	1	7		72	CODIEN	Vietnamese
6	CHU TUAN ANH	PVD2	38	1	8		74	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HOANG	PVD2	30	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HANH	PVD2	21-22	2	20		53	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LEM	PVD2	31	1	11		77	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN HONG SON	PVD2	23-24	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN DAI NGHIA	PVD2	36-37	2	20		51	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG PHONG	PVD2	19-20	2	20		68	CODIEN	Vietnamese
13	MEDINSKY VALERIY	PVD2	27	1	7		70	NIPI	Russian
14	TRAN HUU TRAC	PVD2	33-34	2	14		64	PSV	Vietnamese
15	TRAN QUANG UT	PVD2	28-29	2	20		75	SCHLUMB	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC QUANG	BK4	27	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
17	THAI HAI HA	BK3	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	LE CONG VINH	BK3	70	1	5	35	74	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI TRAN VIET	BK3	71	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VIET BINH	BK3	69	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	22	205	1.024	78	3		
2	BK4	1	1	14	64	0	9		
3	BK3	4	4	22	256	35	9		
TOTAL		20	27	241	1.344	113	21		
WEIGHT KG				241	1.344	113			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



